

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/12/2021		•	
Tuần 6/12-10/12/2021		•	
Tháng 11/2021			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong cả ngày hôm nay bên bán đã chiếm ưu thế hơn bên mua khi VN-Index mở cửa phiên sáng chỉ tăng nhẹ rồi dần dần đi xuống. Đặc biệt, sang đến phiên chiều, áp lực bán gần như áp đảo hoàn toàn khiến VN-Index giảm mạnh và đóng cửa giảm gần 40 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo số mã tăng, 16/19 ngành giảm điểm. Hai ngành duy nhất giữ được sắc xanh trong phiên hôm nay là ngành Y tế và ngành Truyền thông, trong đó ngành Y tế có mức tăng ấn tượng hơn 2%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hôm nay, thị trường giảm điểm mạnh xuống về ngưỡng hỗ trợ 1443 điểm. VN-Index sẽ nhanh chóng kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1440-1450 điểm trước khi hình thành xu hướng mới trong tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/12/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo xu hướng giảm sâu của chứng khoán cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: C69_Tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-38.73** điểm, đóng cửa **1,443.32điểm**. HNX-Index **-8.96** điểm, đóng cửa **449.27** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **DHG (+0.28)**, **HDC (+0.14)**, **PME (+0.11)**, **BAF (+0.10)**, **ROS (+0.83)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.35)**, **BID (-2.22)**, **GVR (-2.14)**, **VIC (-1.68)**, **VPB (-1.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,344** tỷ đồng, tăng **24%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,864 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 49 điểm. Thị trường có **61** mã tăng, 31 mã tham chiều và **415** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-415.21** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DXG (-77.76 tỷ)**, **VRE (-76.19 tỷ)**, **NLG (-58.48 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.74** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1443.32**
Giá trị: 27343.5 tỷ **-38.73 (-2.61%)**
Khối ngoại (ròng): -415.21 tỷ

HNX-INDEX **449.27**
Giá trị: 3995.27 tỷ **-8.96 (-1.96%)**
Khối ngoại (ròng): -1.74 tỷ

UPCOM-INDEX **112.11**
Giá trị: 2627.23 tỷ **-2.44 (-2.13%)**
Khối ngoại(ròng): 13.5 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	68.2	2.54%
Giá vàng	1,766	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	22,792	0.30%
Tỷ giá EUR/VND	25,727	0.19%
Tỷ giá JPY/VND	20,109	0.17%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	13.02%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-8.82%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	52.3	DXG	-77.8
VHM	51.1	VRE	-76.2
VND	25.3	NLG	-58.5
DXS	20.6	GEX	-52.0
CTG	16.8	NVL	-47.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

C69_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: C69 đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh về quanh ngưỡng 20.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20, MA50 và tcho thấy tín hiệu vận động tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 22.0, chốt lãi tại ngưỡng 26.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 19.0.

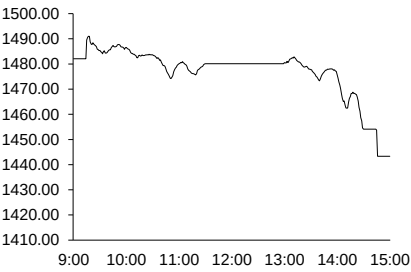
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	2.07%
Truyền thông	0.12%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	-0.34%
Thực phẩm và đồ uống	-1.52%
Bất động sản	-1.63%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.63%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.08%
Công nghệ Thông tin	-2.10%
Tài nguyên Cơ bản	-2.31%
Bán lẻ	-2.45%
Xây dựng và Vật liệu	-2.51%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.52%
Ngân hàng	-2.75%
Bảo hiểm	-3.55%
Ô tô và phụ tùng	-4.05%
Dầu khí	-4.05%
Hóa chất	-4.66%
Dịch vụ tài chính	-5.96%

Hình 1

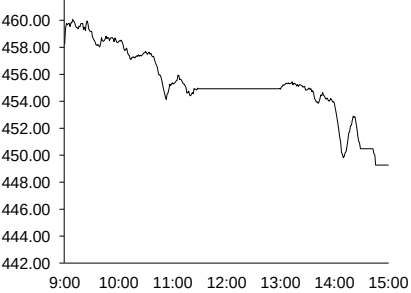
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

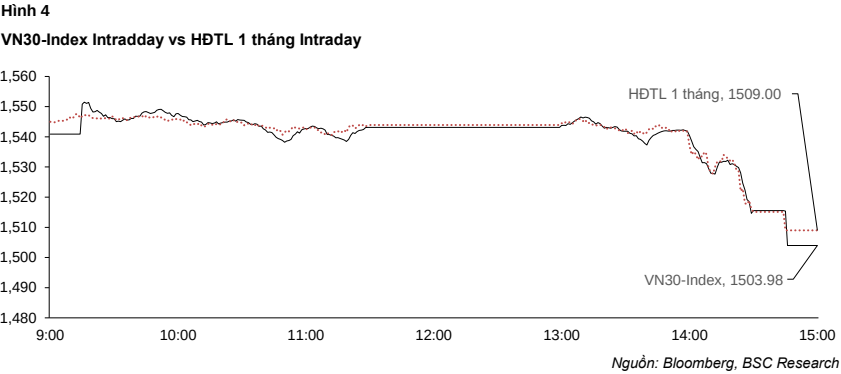
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/2/2021	HDC	97.9	120	95	103.5	1	5.72%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
12/1/2021	VGT	26.9	33.7	24	25.4	2	-5.58%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/30/2021	CTD	80	87.7	73	77	3	-3.75%	Có thể tiếp tục mua
11/29/2021	HHV	24.3	28.7	23.2	24.7	4	1.65%	Có thể tiếp tục mua
11/26/2021	FCN	18.6	24.3	17.3	21.5	7	15.59%	Có thể tiếp tục mua
11/25/2021	PDR	94.2	108.3	90	94.9	8	0.74%	Có thể tiếp tục mua
11/24/2021	FPT	97.9	112	95.3	95.5	9	-2.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/18/2021	PAN	40	46	37	39	15	-2.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/16/2021	NTP	62.8	72.1	59.5	61.6	17	-1.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/15/2021	MWG	139.4	154.5	132	133.5	18	-4.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/10/2021	HT1	25.5	29.3	23	25.5	23	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	16.7	36	1.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/23/2021	VJC	132	142.2	126	SL	6	-4.55%
11/22/2021	DNW	27	30.3	26.5	SL	7	-1.85%
11/19/2021	CSM	22.4	26.5	21	SL	6	-6.25%
11/17/2021	TCM	80.4	95	77.2	SL	12	-3.98%
11/14/2021	TIP	52.2	60.5	50.8	SL	8	-2.68%
11/11/2021	VCG	44.25	50.5	42	TP	19	14.12%
11/9/2021	CTI	19.3	22.3	17.5	TP	6	15.54%
11/8/2021	HAX	25.65	31.5	24.5	TP	22	22.81%
11/5/2021	NTC	179.7	200	170	TP	12	11.30%
11/4/2021	ANV	36.55	42.25	34.3	SL	18	-6.16%
11/3/2021	KDC	59.8	66.5	54.5	SL	30	-8.86%
11/2/2021	SJS	69.4	77.5	64.5	TP	27	11.67%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	6	4.15%	-3.40%	0.37%	12
Cổ phiếu đã chốt	219	141	14.41%	-7.59%	5.79%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1509.00	-2.01%	5.02	9.8%	150,443	12/16/2021	13
VN30F2201	1511.90	-1.70%	7.92	-56.7%	344	1/20/2022	48
VN30F2203	1505.00	-1.36%	1.02	-47.0%	105	3/17/2022	104
VN30F2206	1503.00	-1.76%	-0.98	24.4%	784	6/16/2022	195

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 36.90 điểm xuống 1503.98 điểm. Các cổ phiếu như VPB, TCB, STB, VHM, HPG, SSI tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Nhịp điều chỉnh mạnh tại vùng hỗ trợ 1550 điểm đang cho thấy tín hiệu suy yếu của nhóm cổ phiếu này. Thị trường sẽ kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 1500 điểm vào tuần sau.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HĐ VN30F2206 tăng thì các HĐTL còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, chỉ HĐ VN30F2112 giảm, các HĐTL còn lại đang có xu hướng tăng. Điểm số cùng với giá trị khớp lệnh của các HĐTL đều giảm đang cho thấy xu hướng đóng vị thế khá mạnh. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2103	4/27/2022	145	8:1	206,000	36.44%	1,000	1,030	0.00%	530	1.94	55,608	28,888	31,000
CPNJ2106	3/14/2022	101	5:1	2,300	29.74%	2,600	2,500	0.00%	937	2.67	113,800	98,000	94,000
CKDH2107	4/27/2022	145	8:1	128,500	32.00%	1,300	1,130	-1.74%	658	1.72	68,208	43,888	46,050
CVIC2106	4/27/2022	145	20:1	988,300	29.00%	1,000	1,060	-2.75%	618	1.72	117,088	98,888	105,500
CVRE2110	4/27/2022	145	8:1	139,500	33.92%	1,000	680	-2.86%	230	2.96	33,039	29,999	28,100
CHPG2113	3/7/2022	94	4:1	67,900	34.50%	2,400	1,790	-3.24%	520	3.44	62,980	51,500	47,700
CHPG2116	7/6/2022	215	4:1	72,800	34.50%	2,830	1,810	-3.72%	388	4.67	65,530	61,410	47,700
CMWG2104	3/22/2022	109	10:1	63,000	32.13%	2,400	7,350	-4.55%	1	10,808.82	141,700	135,000	133,500
CFPT2105	1/6/2022	34	4.95:1	316,600	25.40%	3,500	2,840	-5.33%	2,215	1.28	100,935	86,000	95,500
CSTB2105	1/10/2022	38	1:1	116,200	41.54%	4,000	1,800	-5.76%	792	2.27	33,750	30,000	28,000
CMBB2106	1/26/2022	54	4:1	47,000	33.29%	1,000	490	-5.77%	38	12.89	37,240	34,000	28,300
CVNM2110	1/10/2022	38	9.83:1	287,100	20.59%	1,400	530	-8.62%	87	6.10	116,291	90,241	85,800
CNVL2104	4/27/2022	145	16:1	72,400	30.96%	1,300	1,050	-9.48%	1,548	0.68	129,288	108,888	111,000
CVPB2110	4/6/2022	124	5:1	27,300	31.59%	2,590	2,200	-10.20%	1,378	1.60	45,585	40,825	35,700
CSTB2109	3/7/2022	94	2:1	764,000	41.54%	2,300	1,900	-11.21%	1,034	1.84	35,200	29,000	28,000
CHPG2115	1/26/2022	54	5:1	411,800	34.50%	1,500	600	-11.76%	84	7.16	61,100	56,000	47,700
CFPT2107	1/26/2022	54	12:1	211,800	25.40%	1,500	670	-14.10%	243	2.75	111,800	98,000	95,500
CTCB2107	12/27/2021	24	7:1	31,100	34.75%	1,850	1,070	-14.40%	502	2.13	64,790	47,500	50,200
CHPG2109	1/10/2022	38	1:1	106,000	34.50%	4,000	1,520	-20.83%	297	5.12	56,720	55,000	47,700
CMWG2106	1/7/2022	35	5:1	6,900	32.13%	3,000	2,080	-35.20%	18	115.56	202,100	180,000	133,500
Tổng				3,860,500	32.21%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 03/12/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo xu hướng giảm sâu của chứng khoán cơ sở.
- CVHM2109 và CVHM2108 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 5.88% và 2.30%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 45.13%. CMWG2111 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.7% thị trường.
- CFPT2109, CVJC2103, CMSN2107 và CVIC2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2102, CSTB2107, CPNJ2105, và CSTB2110 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2109, CMWG2108 và CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.5	-2.6%	0.9	4,138	6.2	6,130	21.8	5.1	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	94.0	-3.5%	1.0	929	3.0	4,214	22.3	3.8	47.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	57.8	-4.6%	1.4	1,865	4.3	2,473	23.4	2.0	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.5	-1.0%	0.5	484	0.5	4,211	11.3	1.5	56.6%	13.7%
VIC	Bất động sản	105.5	-1.6%	0.7	17,454	24.3	1,248	84.5	4.0	13.5%	5.1%
VRE	Bất động sản	28.1	-5.2%	1.1	2,776	13.0	954	29.5	2.1	29.7%	7.4%
VHM	Bất động sản	80.2	-2.6%	1.0	15,183	20.3	8,287	9.7	4.0	23.1%	40.3%
DXG	Bất động sản	31.1	-3.4%	1.3	806	21.3	1,299		2.2	28.3%	10.3%
SSI	Chứng khoán	50.5	-6.5%	1.5	2,157	102.4	2,172	23.3	3.7	38.8%	19.4%
VCI	Chứng khoán	73.3	-6.3%	1.0	1,061	17.6	4,165	17.6	3.9	20.2%	26.7%
HCM	Chứng khoán	44.5	-6.7%	1.5	885	20.1	2,651	16.8	3.5	42.3%	22.1%
FPT	Công nghệ	95.5	-1.7%	0.9	3,768	8.4	4,443	21.5	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	77.6	-0.4%	0.4	1,108	0.0	4,304	18.0	5.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	96.6	-1.8%	1.3	8,039	4.4	4,283	22.6	3.8	2.8%	17.6%
PLX	Dầu khí	53.3	-4.0%	1.5	2,944	3.9	2,650	20.1	2.8	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	25.0	-2.7%	1.7	520	5.0	1,186	21.1	1.0	7.2%	4.6%
BSR	Dầu khí	20.8	-2.8%	0.8	2,804	6.7	(909)		2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	116.7	7.0%	0.4	663	0.9	6,020	19.4	4.2	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	47.8	-3.9%	0.8	813	14.5	4,018	11.9	2.1	9.3%	18.6%
DCM	Hóa chất	37.5	-4.1%	0.7	863	15.4	1,701	22.0	3.0	5.0%	13.7%
VCB	Ngân hàng	98.0	-1.1%	1.1	15,803	3.4	5,697	17.2	3.3	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	42.0	-5.0%	1.3	7,345	4.2	2,449	17.1	2.0	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	33.0	-2.4%	1.3	6,895	14.3	3,449	9.6	1.7	25.3%	18.6%
VPB	Ngân hàng	35.7	-3.5%	1.2	6,900	37.2	2,781	12.8	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.3	-2.7%	1.2	4,649	15.7	2,940	9.6	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	32.6	-2.0%	1.0	3,824	7.1	3,599	9.0	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.0	-1.2%	0.7	206	0.1	2,574	22.5	2.1	84.4%	9.1%
NTP	Nhựa	61.6	-1.9%	0.5	315	1.2	3,574	17.2	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	27.5	-3.8%	0.7	1,314	0.9	39	705.1	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.7	-1.9%	1.1	9,276	45.6	7,087	6.7	2.5	24.4%	45.6%
HSG	Thép	37.5	-4.8%	1.4	805	13.9	8,806	4.3	1.7	9.0%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	85.8	-1.8%	0.6	7,796	11.0	4,511	19.0	5.8	54.5%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	157.0	-1.3%	0.8	4,377	0.7	5,883	26.7	4.7	62.7%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	151.0	-0.7%	0.9	7,750	7.6	2,031	74.3	8.3	32.2%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	23.7	-4.6%	1.2	647	5.2	1,066	22.2	1.8	7.6%	8.3%
ACV	Vận tải	80.0	-0.4%	0.8	7,572	0.1	577	138.6	4.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	120.4	0.0%	1.1	2,835	4.2	279		3.8	16.8%	0.9%
HVN	Vận tải	22.8	-0.4%	1.7	2,195	2.2	(6,523)		21.1	5.9%	-267.4%
GMD	Vận tải	49.0	-1.7%	1.0	642	4.0	1,443	34.0	2.5	40.9%	7.4%
PVT	Vận tải	23.1	-3.8%	1.4	325	2.0	2,443	9.5	1.5	13.1%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	120.5	-2.0%	0.9	838	0.4	10,231	11.8	4.1	3.6%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.0	0.0%	0.4	994	8.1	2,122	24.0	3.5	3.8%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.5	-4.1%	0.9	423	3.4	1,212	21.0	1.7	3.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	77.0	-1.2%	1.0	247	2.5	727	105.9	0.7	45.9%	0.7%
CII	Xây dựng	27.0	-5.8%	0.6	281	9.3	12	2280.1	1.4	20.1%	0.1%
REE	Điện	67.5	-2.2%	-1.4	907	1.2	5,541	12.2	1.7	49.0%	14.7%
PC1	Điện	37.1	-2.8%	-0.4	379	3.2	2,804	13.2	1.9	5.4%	16.5%
POW	Điện	13.6	-4.2%	0.6	1,380	10.0	1,240	10.9	1.1	3.0%	10.0%
NT2	Điện	22.0	-2.4%	0.5	275	0.4	2,063	10.6	1.5	14.6%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	51.1	-0.6%	1.2	1,266	29.0	1,706	30.0	1.9	16.0%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	49.3	-7%	1.0	2,219	1.3			3.3	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHG	116.70	6.97	0.26	172700
HDC	103.50	5.72	0.13	1.28MLN
PME	80.20	6.93	0.10	8000
ROS	8.06	6.90	0.08	55.60MLN
CRE	36.00	4.20	0.08	4.27MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-2.37	5.70MLN	1.11MLN
BID	0.00	-2.29	2.20MLN	607060
GVR	-0.01	-2.23	3.25MLN	373600
VIC	0.00	-1.67	5.15MLN	192700
VPB	0.00	-1.49	23.23MLN	611640

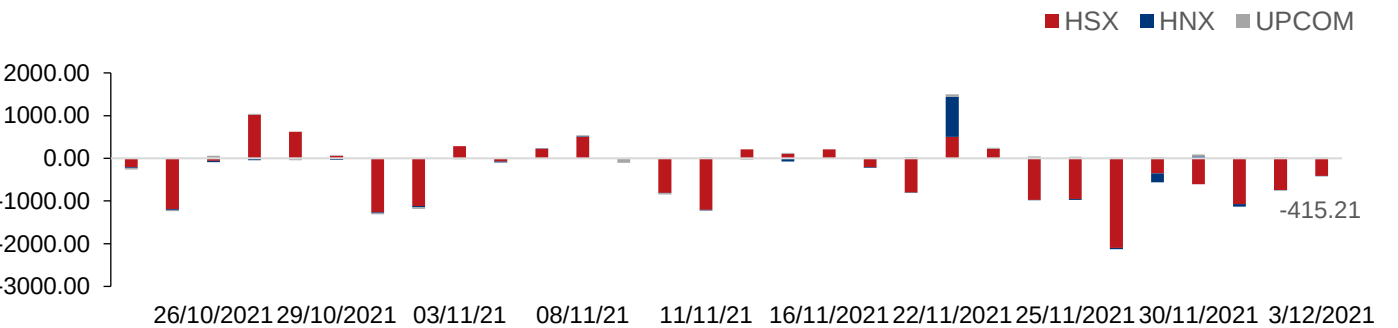
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	35.95	6.99	0.01	11200.00
SVC	110.40	6.98	0.06	5100
DHG	116.70	6.97	0.26	172700
PME	80.20	6.93	0.10	8000
CIG	13.15	6.91	0.01	472400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OGC	9.04	-7.00	-0.05	2.26MLN
YBM	9.72	-6.99	0.00	77400
BCM	49.30	-6.98	-0.99	599800.00
TNI	9.63	-6.96	-0.01	19.21MLN
CTS	40.85	-6.95	-0.08	2.19MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	35.0	1,267	27.6	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	20.8	-909	#N/A N/A	2.1	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	43.5	-511	#N/A N/A	4.0	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	47.5	3,855	12.3	2.0	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.9	8,518	8.8	1.8	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	37.5	1,701	22.0	3.0	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	158.5	7,258	21.8	5.5	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	123.6	4,942	25.0	7.5	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	84.9	5,988	14.2	4.3	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	47.8	4,018	11.9	2.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.2	2,633	13.0	2.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	31.1	1,299	23.9	2.2	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.1	839	29.9	1.5	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.5	4,443	21.5	5.1	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	96.6	4,283	22.6	3.8	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.7	7,087	6.7	2.5	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.5	8,806	4.3	1.7	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	17.5	-1,113	#N/A N/A	1.7	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	23.3	1,655	14.1	1.1	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	19.8	1,251	15.8	1.4	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	46.1	1,856	24.8	3.0	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.6	6,706	7.4	1.7	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	37.9	3,858	9.8	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	94.0	8,024	11.7	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.5	6,130	21.8	5.1	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	41.2	9,467	4.4	1.7	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	56.8	4,331	13.1	2.5	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.0	2,063	10.6	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	37.1	2,804	13.2	1.9	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	30.0	2,201	13.6	1.6	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	94.0	4,214	22.3	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	94.0	4,214	22.3	3.8	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	13.6	1,240	10.9	1.1	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	67.5	5,541	12.2	1.7	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	23.7	1066.2	22.2	1.8	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.7	1,064	33.6	3.7	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	44.3	16,115	2.7	1.2	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	58.6	2,570	22.8	4.2	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.1	3,114	8.1	2.9	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.3	570	44.4	2.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	61.5	4,475	13.7	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	85.8	4,511	19.0	5.8	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.1	954	29.5	2.1	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.8	3306.9	13.2	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.6	1,559	18.3	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	77.1	3,256	23.7	6.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
4	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
5	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
7	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
10	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
13	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
16	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
18	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
20	Banking Sector Outlook		x	Click
21	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
23	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
24	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
25	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
26	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
28	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
29	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
30	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
31	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
33	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
34	Fishery Outlook 2021		x	Click
35	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
36	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
37	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
38	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
39	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
40	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639